TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2026/HS-ST
Ngày 15-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Thập

Ông Đinh Công Hiệp

- Thư ký phiên toà: Bà Tòng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên toà: Ông Giàng A Mơ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 249/2026/TLST-HS ngày 04/9/2026 theo định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2026/QĐXXST-HS ngày 04/9/2026 đối với:

- Các bị cáo:

1. **Lò Văn H**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1986 tại xã N, tỉnh Sơn La; nơi cư trú bản Hiểm Lằn, xã N, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn S (đã chết) và bà: Lò Thị T (đã chết); có vợ là Lò Thị H1, sinh năm 1986 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 03/6/2008 của UBND huyện S đã áp dụng biện pháp chữa trị nghiện ma túy với thời hạn 12 tháng; Tại Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã áp dụng biện pháp biện pháp cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng (ngày 27/12/2017 đã được chấp hành xong theo Quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại); bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/06/2026 cho đến nay, có mặt.

2. **Lò Văn T1**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1985 tại xã M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú bản Lấu Ngày, xã M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn S1, sinh năm 1929 và bà Quàng Thị Ú (đã chết); có vợ là Lường Thị H2 (đã ly hôn) và 02 người con, con lớn sinh năm 2004, con

nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án số 143/2008/HSST ngày 24/7/2008 Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong ngày 07/6/2009); Tại Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 28/3/2011 của UBND huyện S áp dụng biện pháp chữa trị, cai nghiện ma túy với thời hạn 24 tháng; Quyết định số 0035553/QĐ-XPHC ngày 27/6/2016 của Trưởng công an huyện S phạt tiền 3.500.000 đồng; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/06/2026 cho đến nay, có mặt.

- ***Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn H***: Ông Đặng Văn Q, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S, có mặt.

- ***Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T1***: Ông Nguyễn Bá L, luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 20 phút ngày 10/6/2026, tại bản Pàn, xã N, tỉnh Sơn La Lò Văn Thơi bị phát hiện bắt quả tang về hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa chất bột liên kết màu trắng, màu hồng lẫn nhau (T1 khai nhận đó là H3 và hồng phiến mua của Lò Văn H); 01 bật lửa ga, 01 mảnh giấy bạc.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S đã tiến hành triệu tập Lò Văn H đến làm việc. Tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S, Lò Văn H đã khai nhận ngày 09/6/2026 có được bán 01 gói ma tuý cho Lò Văn T1 với số tiền 50.000 đồng, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S đã tiến hành giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn H về hành vi bán trái phép chất ma tuý, thu giữ 50.000 đồng, 01 tẩu hút ma tuý.

Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S đã tiến khám xét khẩn cấp nơi ở của Lò Văn H, sinh năm 1986, trú tại bản H, xã N, tỉnh Sơn La và Lò Văn T1, sinh năm 1985, trú tại bản L, xã M, tỉnh Sơn La, kết quả: Không phát hiện thu giữ gì.

Ngày 11/6/2026 tại Tổ địa bàn Sông M – Công an tỉnh S đã lập Hội đồng bóc mở niêm phong, cân tịnh, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng, kết quả cân tịnh: Chất bột liên kết màu trắng và chất bột màu hồng trộn lẫn nhau trong gói nilon màu hồng có tổng khối lượng 0,109 gam, lấy toàn bộ làm mẫu giám định, ký hiệu T.

Kết luận giám định số 1017/KL-KTHS ngày 16/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: "*Mẫu giám định ký hiệu T là ma túy, loại Methamphetamine và H3 (H5), có tên khoa học là D, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025) và Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,109 gam. Mẫu giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định, không hoàn lại*".

Tại Kết luận giám định số 1054/KL-KTHS ngày 23/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: "*Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật. H4 lại toàn bộ số tiền gửi giám định*".

Quá trình điều tra Lò Văn H, Lò Văn T1 khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 08/6/2026, Lò Văn H mang theo số tiền 100.000 đồng (tiền do lao động, tiết kiệm mà có) đi bộ từ nhà đến bản T, xã C, tỉnh Sơn La để tìm mua ma túy sử dụng và bán kiếm lời. Khi đi đến nơi H gặp một người đàn ông không quen biết hỏi mua được 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa 01 viên hồng phiến và một cục Heroine với số tiền 100.000 đồng. Nhận ma túy Hạt cất gói ma túy vào trong túi quần rồi đi về nhà. Khi về đến nhà do lên cơn thèm ma tuý nên H đã bẻ lấy ½ viên hồng phiến cùng một ít Heroine ra sử dụng hết số còn lại cất vào trong túi quần để sử dụng và có ai hỏi mua sẽ bán. Khoảng 15 giờ ngày 09/6/2026, Lò Văn T1 về đến nhà thì H trao đổi hỏi mua ma túy, H đã bán số hồng phiến và H3 còn lại cho T1 với số tiền 50.000 đồng. Sau khi bán ma túy xong, H ra ngoài đi làm nương còn T1 vẫn ở trong nhà H, T1 lấy chiếc bật lửa ga và mảnh giấy bạc trong túi quần ra tiến hành sử dụng ma túy bằng hình thức đốt hít. Sử dụng xong, T1 gói số Hồng phiến và H3 còn lại, chiếc bật lửa ga cùng mảnh giấy bạc cất vào trong túi quần rồi đi bộ về nhà chị Lò Thị L1, sinh năm 1985, trú tại bản Pàn, xã N, tỉnh Sơn La chơi. Đến khoảng 12 giờ 10 ngày 10/6/2026, khi T1 đang ở nhà chị L1 thì bị Công an xã S phối hợp với Đội 5, Phòng PC04 Công an tỉnh S, Công an xã N đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Cùng ngày, đã tiến hành kiểm tra ma túy có trong nước tiểu đối với Lò Văn H và Lò Văn T1. Kết quả xác định Lò Văn H và Lò Văn T1 đều dương tính với ma túy. Tiến hành xác minh nhân thân tại xã N xác định: Lò Văn H, Lò Văn T1 không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 177/CT-VKSSLA-KV ngày 03/9/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã truy tố: Lò Văn H tội *Mua bán trái phép chất ma túy* theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025; Lò Văn T1 về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La giữ quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cũng như qua xem

xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và Hình phạt.

1. Đối với bị cáo Lò Văn H.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt từ 03 năm 04 tháng đến 03 năm 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2026.

2. Đối với bị cáo Lò Văn T1.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T1 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư niêm phong bên trong chứa 01 mảnh nilon màu hồng; 01 phong bì thư niêm phong bên trong chứa 01 bật lửa ga và 01 mảnh giấy bạc; 01 tẩu hút ma tuý. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Lò Văn H.

Về án phí: về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn H: Bị cáo có trình độ học vấn 02/12, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự với bị cáo. Nhất trí như luận tội của đại diện viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác ….; đề nghị cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của viện kiểm sát.

***Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T1*:** Nhất trí như luận tội của đại diện viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các nội dung khác đề nghị cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của viện kiểm sát.

***Ý kiến tranh luận các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn T1**:* Các bị cáo đều trí với ý kiến luận cứ bào chữa của người bào chữa, không bổ sung hay có ý kiến gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn T1: Các bị cáo đã nhận ra hành vi phạm tội của mình là sai trái và rất ân hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo hình phạt mức thấp nhất để các bị cáo sớm được trở lại cộng đồng xã hội, trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng*:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh S, không thay đổi, bổ sung nội dung gì. Hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La. Các bị cáo khẳng định khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám xét khẩn cấp; Kết luận giám định; Các biên bản đối chất; biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung đối với các bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện hành vi phạm tội; Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 09/6/2026 tại bản Hiểm Lằn, xã N, tỉnh Sơn La, Lò Văn H đã có hành vi bán trái phép 0,109 gam *Methamphetamine và H3* cho Lò Văn T1 thu lợi bất chính số tiền 50.000 đồng đã phạm vào tội *Mua bán trái phép chất ma túy* theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Ngày 10/6/2026 tại bản Pàn, xã N, tỉnh Sơn La, Lò Văn T1 đã thực hiện hành vi cất giấu trái phép 0,109 gam *Methamphetamine và Heroine*, mục đích để sử dụng cho bản thân đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự, an ninh xã hội tại địa phương là một trong những nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ, chứa chấp Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó cần có mức hình phạt phù hợp nhằm răn đe giáo dục đối với các bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo:

[4.1] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên các bị cáo có nhân thân xấu: bị cáo Lò Văn H có 02 lần bị xử phạt hành chính; bị cáo Lò Văn T1 có 02 lần bị xử phạt hành hành chính và 01 lần bị xử phạt tù. Các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội nên cần có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo.

[4.2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn T1, đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn T1 đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện hành vi phạm tội của Lò Văn H nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ sự phân tích trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử hình phạt tù có thời hạn, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[4.2] *Về vai trò đồng phạm:* Các bị cáo phạm tội độc lập không thuộc trường hợp đồng phạm theo Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

[6] Một số vấn đề khác:

[6.1]. Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Lò Văn H khai nhận mua được của một người đàn ông không quen biết tại bản Ten Ư, xã C, tỉnh Sơn La. Do bị cáo không biết họ và tên, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S không có căn cứ để xác minh, làm rõ trong vụ án này là đúng quy định. Buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ trong vụ án này.

[6.2] Đối với Lò Thị L1, quá trình điều tra xác định chị L1 không biết việc T1 sử dụng địa điểm do chị quản lý để cất giữ trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý là có căn cứ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo Lò Văn H không cung cấp phương tiện công cụ và không biết việc bị cáo T1 sử dụng địa điểm do bị cáo H quản lý để sử dụng trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý là có căn cứ.

[6.3] Đối với hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"* của Lò Văn T1, Lò Văn H. Kết quả xác minh nhân thân tại xã N xác định: Lò Văn H, Lò Văn T1 không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự nên cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý là có căn cứ.

[7] Vật chứng vụ án:

Đối với 01 mảnh nilon màu hồng; 01 bật lửa ga và 01 mảnh giấy bạc, 01 tẩu hút ma tuý và các vỏ phong bì niêm phong là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 50.000 đồng là tiền do bị cáo Lò Văn H phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí:

Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa các bị cáo xin được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận, miễn nộp án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[9] Các bị cáo khác có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên về điều luật, tội danh, hình phạt và các vấn đề khác là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[11] Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn H đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Trình độ học vấn của bị cáo 02/12; bị cáo đúng là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, bị cáo Lò Văn H đã 02 lần được áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc, đã được giáo dục về tác hại của ma túy, đã được tuyên truyền về chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy nên bị cáo không thuộc trường hợp nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Đối với bị cáo Lò Văn H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2026

1.2. Đối với bị cáo Lò Văn T1.

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T1 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; xử phạt 03 (ba) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2026

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47, Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư niêm phong bên trong chứa 01 mảnh nilon màu hồng; 01 phong bì thư niêm phong bên trong chứa 01 bật lửa ga và 01

mảnh giấy bạc; 01 tẩu hút ma tuý (Mô tả chi tiết theo Phiếu nhập kho vật chứng của P trại tạm giam Sông Mã).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) theo biên bản giao nhận tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh S và Kho bạc Nhà nước khu vực X –PGD số 11.

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ phong bì (Mô tả chi tiết theo biên bản giao nhận tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh S và Kho bạc Nhà nước khu vực X –PGD số 11).

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo. Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2026).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND cùng cấp (02 bản);
- Cơ quan thi hành án Hình sự Công an tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam công an tỉnh Sơn La;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Sơn La;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mai